

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 7a-GROW/GREENFOODSVN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG GREEN FOODS VIỆT NAM

Địa chỉ: 664 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0904 021 502

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0318746551

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN KABE 7A GROW

2. Thành phần: Nước, Sữa 8.8% (sữa bột gầy, sữa bột béo, sữa non), đường tinh luyện, dầu thực vật, maltodextrin, chất ổn định dùng cho thực phẩm (INS471, INS407, INS412), chất xơ hòa tan, Vitamin (A, D3, Thiamin, Riboflavin, Niacinamide, Pantothenate, Pyridoxine, Cyanocobalamin, K1, K2, Biotin, Acid folic, Tocopherol), khoáng chất (Zinc Sulfate Monohydrate, Ferric Pyrophosphate, Magnesium Oxide, Potassium Iodide), Lysine, DHA, MCT, Taurine, Choline, tinh chất tổ yến, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương vanilla, hương sữa).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên nắp hộp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Quy cách bao gói: Đóng gói kín.

Thể tích thực: 110ml, 180ml, 220 ml hoặc tùy theo nhu cầu thị trường và được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì giấy, bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Tên cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI



Địa chỉ: Km 9, đường Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở Số: 7a-GROW/2025/GREENFOODSVN.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày .02. tháng .01. năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Duy Hưng



152mm

130 mm

45.2mm

88,5mm



HSD:

NSX:

Lưu ý: Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng

NGUYÊN LIỆU SỮA NON
NHẬP KHẨU TỪ MỸ

Tập đoàn **kabe**

Kabe 7a
grow

BỘ SƯNG VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT
CAXI - MK7 - SỮA NON - KEM - PROTEIN - DHA



ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG: Phù hợp cho trẻ trên 3 tuổi.
Cách dùng: Uống trực tiếp, tức đầu trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Nên uống 3-4 hộp mỗi ngày. Sản phẩm sử dụng cho 1 lít nước.
Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa sữa và lactose.
NSX và HSD: Xem trên nắp hộp.



Thương nhân chủ trách nhiệm và chủ sở hữu sản phẩm:
CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG GREEN FOODS VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 2 Đường 32, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI
Địa chỉ: Km 8, Đường Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Số TCB: 7a-GROW/GREENFOODSVN2025



Án Thể tích thực: 110 ml

THỰC PHẨM BỔ SƯNG
SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN

Thể tích thực: 110 ml

3+
Dành cho trẻ trên 3 tuổi

3+
Dành cho trẻ trên 3 tuổi

Thành phần: Nước, Sữa 8,8%, bột gạo, sữa bột béo, sữa non), Đường tinh luyện, dầu thực vật, maltodextrin, chất ổn định dùng cho thực phẩm (INS471, INS407, INS142), chất xơ hòa tan (Inulin), Lactose, Vitamin A, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin C, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K, Vitamin PP, Vitamin B5, Vitamin B9, Vitamin B10, Vitamin B11, Vitamin B12, Vitamin B13, Vitamin B14, Vitamin B15, Vitamin B16, Vitamin B17, Vitamin B18, Vitamin B19, Vitamin B20, Vitamin B21, Vitamin B22, Vitamin B23, Vitamin B24, Vitamin B25, Vitamin B26, Vitamin B27, Vitamin B28, Vitamin B29, Vitamin B30, Vitamin B31, Vitamin B32, Vitamin B33, Vitamin B34, Vitamin B35, Vitamin B36, Vitamin B37, Vitamin B38, Vitamin B39, Vitamin B40, Vitamin B41, Vitamin B42, Vitamin B43, Vitamin B44, Vitamin B45, Vitamin B46, Vitamin B47, Vitamin B48, Vitamin B49, Vitamin B50, Vitamin B51, Vitamin B52, Vitamin B53, Vitamin B54, Vitamin B55, Vitamin B56, Vitamin B57, Vitamin B58, Vitamin B59, Vitamin B60, Vitamin B61, Vitamin B62, Vitamin B63, Vitamin B64, Vitamin B65, Vitamin B66, Vitamin B67, Vitamin B68, Vitamin B69, Vitamin B70, Vitamin B71, Vitamin B72, Vitamin B73, Vitamin B74, Vitamin B75, Vitamin B76, Vitamin B77, Vitamin B78, Vitamin B79, Vitamin B80, Vitamin B81, Vitamin B82, Vitamin B83, Vitamin B84, Vitamin B85, Vitamin B86, Vitamin B87, Vitamin B88, Vitamin B89, Vitamin B90, Vitamin B91, Vitamin B92, Vitamin B93, Vitamin B94, Vitamin B95, Vitamin B96, Vitamin B97, Vitamin B98, Vitamin B99, Vitamin B100.

Thành phần dinh dưỡng	Giá trị dinh dưỡng	% Giá trị dinh dưỡng
Bột gạo	9	3
Sữa bột béo	9	3
Sữa non	9	3
Đường tinh luyện	9	3
Maltodextrin	9	3
Chất xơ hòa tan	9	3
Lactose	9	3
Vitamin A	9	3
Vitamin B1	9	3
Vitamin B2	9	3
Vitamin B6	9	3
Vitamin B12	9	3
Vitamin C	9	3
Vitamin D3	9	3
Vitamin E	9	3
Vitamin K	9	3
Vitamin PP	9	3
Vitamin B5	9	3
Vitamin B9	9	3
Vitamin B10	9	3
Vitamin B11	9	3
Vitamin B12	9	3
Vitamin B13	9	3
Vitamin B14	9	3
Vitamin B15	9	3
Vitamin B16	9	3
Vitamin B17	9	3
Vitamin B18	9	3
Vitamin B19	9	3
Vitamin B20	9	3
Vitamin B21	9	3
Vitamin B22	9	3
Vitamin B23	9	3
Vitamin B24	9	3
Vitamin B25	9	3
Vitamin B26	9	3
Vitamin B27	9	3
Vitamin B28	9	3
Vitamin B29	9	3
Vitamin B30	9	3
Vitamin B31	9	3
Vitamin B32	9	3
Vitamin B33	9	3
Vitamin B34	9	3
Vitamin B35	9	3
Vitamin B36	9	3
Vitamin B37	9	3
Vitamin B38	9	3
Vitamin B39	9	3
Vitamin B40	9	3
Vitamin B41	9	3
Vitamin B42	9	3
Vitamin B43	9	3
Vitamin B44	9	3
Vitamin B45	9	3
Vitamin B46	9	3
Vitamin B47	9	3
Vitamin B48	9	3
Vitamin B49	9	3
Vitamin B50	9	3
Vitamin B51	9	3
Vitamin B52	9	3
Vitamin B53	9	3
Vitamin B54	9	3
Vitamin B55	9	3
Vitamin B56	9	3
Vitamin B57	9	3
Vitamin B58	9	3
Vitamin B59	9	3
Vitamin B60	9	3
Vitamin B61	9	3
Vitamin B62	9	3
Vitamin B63	9	3
Vitamin B64	9	3
Vitamin B65	9	3
Vitamin B66	9	3
Vitamin B67	9	3
Vitamin B68	9	3
Vitamin B69	9	3
Vitamin B70	9	3
Vitamin B71	9	3
Vitamin B72	9	3
Vitamin B73	9	3
Vitamin B74	9	3
Vitamin B75	9	3
Vitamin B76	9	3
Vitamin B77	9	3
Vitamin B78	9	3
Vitamin B79	9	3
Vitamin B80	9	3
Vitamin B81	9	3
Vitamin B82	9	3
Vitamin B83	9	3
Vitamin B84	9	3
Vitamin B85	9	3
Vitamin B86	9	3
Vitamin B87	9	3
Vitamin B88	9	3
Vitamin B89	9	3
Vitamin B90	9	3
Vitamin B91	9	3
Vitamin B92	9	3
Vitamin B93	9	3
Vitamin B94	9	3
Vitamin B95	9	3
Vitamin B96	9	3
Vitamin B97	9	3
Vitamin B98	9	3
Vitamin B99	9	3
Vitamin B100	9	3

Tetra Pak®
Tetra Brik® Aseptic



THỰC PHẨM BỔ SƯNG
SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN

3+
Dành cho trẻ trên 3 tuổi

GIÚP XƯƠNG PHÁT TRIỂN VÀ BỀN CHẮC
CAXI-VITAMIN D3



TĂNG KHI MIỄN VITAMIN



Tập đoàn **kabe**

Kabe 7a
grow



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: 7a-GREEN/2025/GREENFOODSVN

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN KABE 7A GROW

2. Thành phần: Nước, Sữa 8.8% (sữa bột gầy, sữa bột béo, sữa non), đường tinh luyện, dầu thực vật, maltodextrin, chất ổn định dùng cho thực phẩm (INS471, INS407, INS412), chất xơ hòa tan, Vitamin (A, D3, Thiamin, Riboflavin, Niacinamide, Pantothenate, Pyridoxine, Cyanocobalamin, K1, K2, Biotin, Acid folic, Tocopherol), khoáng chất (Zinc Sulfate Monohydrate, Ferric Pyrophosphate, Magnesium Oxide, Potassium Iodide), Lysine, DHA, MCT, Taurine, Choline, tinh chất tổ yến, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương vanilla, hương sữa).

3. Thông tin dinh dưỡng

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố (Trong 110 ml)	Mức công bố (Trong 180 ml)
Đạm (Protein)	g	2.4 – 3.6	3.928 – 5.892
Chất béo tổng số (Total Fat)	g	2.28 – 3.42	3.728 – 5.592
Carbohydrate	g	8.93 – 13.39	14.6 – 21.9
Năng lượng (Energy)	kcal	65.8 – 98.74	107.7 – 161.5
Đường tổng số (Total Sugars)	g	8.76 – 13.14	14.34 – 21.5
IgG	mcg	176 – 264	288 – 432
Sữa non	mcg	880 – 1320	1440 – 2160
DHA	mg	1.24 – 1.86	2.032 – 3.048
MCT	mg	80 – 120	130.9 – 196.4
Tinh chất tổ yến	mcg	176 – 264	288 – 432
Vitamin K2	mcg	2.4 – 3.6	3.928 – 5.892
Vitamin K1	mcg	1.6 – 2.4	2.616 – 3.924
Lysine	mg	160 – 240	261.8 – 392.7
Magnesi (Mg)	mg	10.4 – 15.6	17.02 – 25.52
Sắt (Fe)	mg	0.72 – 1.08	1.176 – 1.764
Kẽm (Zn)	mg	0.49 – 0.73	0.808 - 1.212
Vitamin A	IU	176 – 264	288 – 432
Vitamin D3	IU	32 – 48	52.36 – 78.54
Phospho (P)	mg	61.6 – 92.4	100.8 – 151.2
Calci (Ca)	mg	80 – 120	130.9 – 196.4



Vitamin B1 (Thiamin)	mcg	40 – 60	65.46 – 98.18
Vitamin B2 (Riboflavin)	mcg	44 – 66	72 – 108
Vitamin B3 (Niacin)	mcg	200 – 300	327.3 – 490.9
Vitamin B6 (Pyridoxine hydroclorid)	mcg	33.6 – 50.4	54.98 – 82.48
Vitamin B7 (Biotin)	mcg	1.44 – 2.16	2.36 – 3.54
Vitamin B12	mcg	0.12 – 0.18	0.2 – 0.3
Vitamin B9 (Acid Folic)	mcg	3.2 – 4.8	5.24 – 7.87
Vitamin B5 (Acid Pantothenic)	mcg	211 – 316.8	345.6 – 518.4
Taurine	mg	8.8 – 13.2	14.4 – 21.6
Choline	mg	6.4 – 9.6	10.47 – 15.71
Natri (Na)	mg	32 – 48	52.36 – 78.54
Kali (K)	mg	96 – 144	157.1 – 235.6
Iod	mcg	3.36 – 5.04	5.496 – 8.244
FOS	mg	0.88 – 1.32	1.44 – 2.16

4. Chỉ tiêu an toàn

4.1. Chỉ tiêu vi sinh vật

Theo QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn cho phép (CFU/ml)	
		n	c	m	M
1	Enterobacteriaceae	5	2	< 1	5
2	Listeria monocytogenes	5	0	10 ²	

Ghi chú:

- n: số mẫu cần lấy từ lô hàng để kiểm nghiệm.
- c: số mẫu tối đa cho phép có kết quả kiểm nghiệm nằm giữa m và M. Trong n mẫu kiểm nghiệm được phép có tối đa c mẫu cho kết quả kiểm nghiệm giữa m và M.
- m: giới hạn dưới, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm tất cả các kết quả không vượt quá giá trị m là đạt.
- M: giới hạn trên, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm chỉ 01 mẫu cho kết quả vượt quá giá trị M là không đạt.

4.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/L	0.02
2	Cadimi (Cd)	mg/L	1.0
3	Arsen (As)	mg/L	0.5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0.05

4.3. Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/L	0.5

4.4. Chỉ tiêu Melamine

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamine	mg/L	2.5

4.5. Hàm lượng các hóa chất không mong muốn: Phù hợp theo quy định hiện hành.

5. Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm và cơ sở sản xuất sản phẩm

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG GREEN FOODS VIỆT NAM
Địa chỉ: 664 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI
Địa chỉ: Km 9, đường Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Trần Duy Nghiêm





Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OAH9241201358-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG GREEN FOODS VIỆT NAM
Địa chỉ/ Client's Address : 664 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 24/12/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 24/12/2024 - 30/12/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/12/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN KABE 7A GROW
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Enterobacteriaceae / Enterobacteriaceae	<1	CFU/mL	ISO 21528-2:2017
6	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	<1	CFU/mL	ISO 11290-2:2017





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OAH9241201358-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
7	Aflatoxin M1 (*) / Aflatoxin M1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.007)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/051 (Ref. TCVN 6685:2009)
8	Melamine (*) / Melamine (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.015)	mg/L	AVA-KN-PP.SK/090 (Ref. TCVN 9048:2012 (ISO/ TS 15495:2010))

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) (*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to MPN method, the result is expressed 0 ; < 1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn phát định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ"

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

